TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 99/2018/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 29 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 548/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Anh Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 116/42/9/24 Đường H, khu phố M, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lương Ngọc H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 116/42/9/24 Đường H, khu phố M, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/3/2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Anh Đ và ông Lương Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Anh Đ và ông Lương Ngọc H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Có hai con tên Lương Hoàng L, sinh ngày 24/8/2003 và Lương Hoàng V, sinh ngày 07/03/2013.

Giao trẻ Lương Hoàng L, sinh ngày 24/8/2003 và Lương Hoàng V, sinh ngày 07/03/2013005 cho bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông H bên thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm non, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

2.4. Về nợ chung: Không có nợ chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Anh Đ tự nguyện chịu án phí 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0008489 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà Lê Thị Anh Đ được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn B, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lựu